| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 747/2022/HC-PT
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022 và ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 260/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 5 năm 2022 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1601/2022/QĐPT - HC ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:* Anh Nguyễn Dương Phú T, sinh năm 1983 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Bà Lê Kim D, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 11/9 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021) – Có mặt;

*2. Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức:* Ông Lê Thành U – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức (Giấy ủy quyền số 560/UQ-UBND ngày 26/5/2021) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức:* Ông Trần Văn H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bến Lức – Có mặt;

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

*Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An:* Ông Nguyễn Văn T[1] – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (Giấy ủy quyền số 491/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 21/01/2022) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An:* Ông Nguyễn Văn S – Trưởng phòng Hành chính tổng hợp của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An – Có mặt;

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn T[2], sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T[2]:* Ông Trịnh Minh T[3], sinh năm 1985; Địa chỉ: xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Địa chỉ liên hệ: 12C Khu biệt thự 280 Lương Định Của, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2022) – Có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T[2]:* Luật sư Lê Vũ Tấn – Văn phòng luật sư Uy Tín thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt;

3.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn C:* Bà Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp 6, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2021) – Có mặt;

*4. Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T[2].

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/10/2021 của anh Nguyễn Dương Phú T và lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp của anh T trình bày:*

Ngày 19/7/2001, anh T được Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 459873 đối với thửa đất số 428 (đất ĐRM) và thửa 466 loại đất Thổ (thửa mới 325), cùng tờ bản đồ số 8, xã Bình Đức, huyện Bến Lức. Cuối năm 2020, anh có nhu cầu chuyển nhượng đất cho người khác thì phát hiện từ trước đến nay ông Nguyễn Văn C là người sử dụng thửa đất số 466, còn đất do anh sử dụng lại là thửa 174 và thửa 361 do ông Nguyễn Văn $T^2$ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh T yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Bình Đức giải quyết thì anh và ông $T^2$ đồng ý hoán đổi, nhưng ông C không đồng ý nên việc hoán đổi không thực hiện được, nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức đã cấp cho ông $T^2$ thửa 361 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An đã cấp cho ông $T^2$ thửa 174, để anh được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng thửa đất anh trực tiếp sử dụng.

*Tại Công văn số 4126/UBND-TNMT ngày 21/6/2021, Công văn số 911/UBND-TNMT ngày 26/01/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức trình bày:*

Toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông Nguyễn Văn $T^2$ tại các thửa 426, 468, 483, 470, tờ bản đồ số 8 xã Bình Đức. Thửa đất 174, tờ bản đồ số 34 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn $T^2$.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn $T^2$ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 8 xã Bình Đức là cấp lần đầu, trên cơ sở người sử dụng đất kê khai xin cấp giấy chứng nhận, được Ủy ban nhân dân xã Bình Đức lập hồ sơ đề nghị. Việc cấp đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Thửa 483, tờ bản đồ số 8 xã Bình Đức chưa thực hiện cấp đổi sang hệ thống bản đồ mới (hồ sơ kèm theo).

*Tại Công văn số 613/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 26/01/2022 của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An trình bày:*

Ông Nguyễn Văn $T^2$ được Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 638451 ngày 05/4/1997 đối với 04 thửa đất,

trong đó có thửa đất số 468, tờ bản đồ số 8 xã Bình Đức. Năm 2014, do thực hiện dự án đo đạc, nâng cấp bản đồ địa chính trên toàn huyện Bến Lức, ông $T^2$ có đơn đề nghị cấp đổi lại giấy chứng nhận và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 496475, số vào sổ CS 04731 ngày 14/7/2016 đối với thửa đất số 174 (số thửa cũ là 468), diện tích 678 $m^2$, tờ bản đồ số 34 xã Bình Đức (kèm hồ sơ). Việc cấp giấy chứng nhận cho ông $T^2$ là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, ông Nguyễn Văn C trình bày:* Ông là anh ruột của ông $T^2$ và là bác ruột của anh T. Anh T là người trực tiếp sử dụng thửa đất số 174 và thửa đất số 361, còn ông sử dụng thửa đất số 466 (số thửa mới là 325). Cuối năm 2020 ông mới phát hiện việc cấp nhầm các thửa đất, nên ông C yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T đối với thửa đất số 466 (số thửa mới là 325) xã Bình Đức.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn $T^2$:* Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông $T^2$, nhưng ông $T^2$ không hợp tác và không có ý kiến.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1, 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 1993; Điều 100, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Dương Phú T đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

1.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An số CC 496475, số vào sổ CS 04731, ngày cấp 14/7/2016 cho ông Nguyễn Văn $T^2$ đối với thửa 174 (thửa cũ 468) diện tích 678 $m^2$, tờ bản đồ số 34, tại xã Bình Đức, huyện Bến Lức.

1.2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An số K 638451, vào sổ 0011/QSDĐ/0213-LA cấp ngày 05/4/1997 cho ông Nguyễn Văn T[2] đối với thửa 483, TBĐ 8 (thửa mới 361, TBĐ 34).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C đối với Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An về việc "yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 459873, vào sổ số 0037/QSDĐ ngày 19/7/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp cho anh Nguyễn Dương Phú T đối với thửa 466, TBĐ số 8 (thửa mới 325) loại đất Thổ, thuộc tờ bản đồ số 8, xã Bình Đức, huyện Bến Lức.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; về án phí hành chính sơ thẩm và tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/3/2022, ông Nguyễn Văn T[2] có đơn kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của anh T và bác yêu cầu độc lập của ông C.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Ông Trịnh Minh T[3] đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T[2] vẫn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, vì Bản án sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của anh T, ông C mà không căn cứ vào việc ông T[2] mới là người nộp thuế đất hàng năm; Bản án sơ thẩm không tuyên hậu quả của việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Thửa đất số 466 (thửa mới 325) là của ông T[2] chứ không phải là của ông C.

Bà Lê Kim D không đồng ý kháng cáo của ông T[2] và đề nghị xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ai thì người đó đóng thuế; Ông C là người cao tuổi được miễn án phí, tạm ứng án phí; Trong quá trình xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đều thừa nhận cấp Giấy chứng nhận nhầm đối tượng sử dụng đất; Tòa án sơ thẩm xét xử đã căn cứ vào các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An nên việc lẫn lộn là do cơ quan Nhà nước, không phải do Tòa án; Vụ án đã kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình anh T, nên đề nghị Tòa án sớm kết thúc vụ án.

Anh Nguyễn Dương Phú T nhất trí ý kiến của bà D.

Bà Nguyễn Thị Lệ Q không đồng ý kháng cáo của ông T[2] và đề nghị xem xét ông Nguyễn Văn C đã trực tiếp sử dụng thửa đất số 325 từ trên 40 năm nay không có ai tranh chấp. Cho đến khi ông C kê khai đăng ký thì mới biết đất đã cấp giấy chứng nhận cho anh T, nên đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T, thửa 325.

Ông Nguyễn Văn C nhất trí ý kiến của bà Q.

Ông Nguyễn Văn S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An trình bày Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T[2] là trên cơ sở cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T[2] đã được Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức trình bày hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có rất nhiều sai sót: Thửa đất số 361 không phải là thửa đất cũ số 483, mà là thửa 467 của chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Dữ (chết) để lại cho vợ là Nguyễn Thị Thúy Hường và bà Hường đã chuyển nhượng cho ông Phạm Minh Tuấn; Thửa đất số 483 (Tư liệu 1994) nay đã là là bờ đê, không còn thửa 483 nữa, nên thửa 361 cũng không còn; Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Dương Phú T là trên cơ sở hợp đồng tặng cho từ ông Nguyễn Văn Sương, không phải là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Do có quá nhiều sai sót như trên, việc lẫn lộn giữa các thửa đất chưa được làm rõ sẽ dẫn đến không thi hành án được, nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T[2] đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Vào ngày 07/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản ghi ngày 06/9/2022 của Luật sư Lê Vũ Tấn trình bày vào ngày 06/9/2022, ông Trịnh Minh T[3] có văn bản đề nghị luật sư bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn T[2], nên luật sư đề nghị hoãn phiên tòa phúc thẩm ngày 09/9/2022, để luật sư nghiên cứu hồ sơ. Thấy rằng: Phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất mở vào ngày 25/8/2022, thì ông Trịnh Minh T[3] có đơn xin hoãn phiên tòa; vào ngày 26/8/2022, ông T[3] trực tiếp nhận giấy triệu tập phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, mở vào ngày 09/9/2022. Do đó, việc luật sư Lê Vũ Tấn yêu cầu hoãn phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai là không có lý do chính đáng.

Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

**[2]** Ông Nguyễn Văn T[2] được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 496475, số vào sổ CS 04731 ngày 14/7/2016, thửa đất số 174 (thửa cũ số 468) diện tích 678 $m^2$, tờ bản đồ số 34; đồng thời ông T[2] cũng được Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 638451, vào sổ 0011/QSDĐ/0213-LA ngày 05/4/1997, 04 thửa đất, trong đó có thửa đất số 483, tờ bản đồ số 8 (thửa mới số 361, tờ bản đồ số 34). Các thửa đất đều tọa lạc tại xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Anh Nguyễn Dương Phú T được Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 459873, vào sổ số 0037/QSDĐ ngày 19/7/2001, 02 thửa đất, trong đó có thửa đất số 466, tờ bản đồ số 8 (thửa mới số 325), tọa lạc tại xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**[3]** Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

*" Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây: ...*

*d. Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai".*

Điểm 5 khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định: *"Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật*

*Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.*

*Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân."*

Theo các quy định của pháp luật đã viện dẫn trên thì Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Chỉ trong trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật, thì Nhà nước mới không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp và việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân.

**[4]** Như vậy, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và điểm 5 khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ như đã viện dẫn trên, thì trong vụ án này, người được cấp Giấy chứng nhận là ông Nguyễn Văn $T^2$ và anh Nguyễn Dương Phú T.

Chỉ trong trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận là ông Nguyễn Văn $T^2$ và anh Nguyễn Dương Phú T đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật, thì Nhà nước mới không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp và việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân.

**[5]** Bản án sơ thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm và Công văn số 625/UBND-TNMT ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức đều xác định anh Nguyễn Dương Phú T được nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn Sương đối với thửa đất số 466, nên việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận đã cấp cho anh Nguyễn Dương Phú T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân. Nhận định trên của cấp sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định anh Nguyễn Dương Phú T và ông Nguyễn Văn $T^2$ đã có thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật, đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang bị khởi kiện hay là không, để từ

đó mới có cơ sở để xác định thẩm quyền giải quyết yêu cầu của đương sự thuộc Tòa án nhân dân hay thuộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp anh Nguyễn Dương Phú T và ông Nguyễn Văn T[2] đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật, thì Tòa án nhân dân mới có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp anh Nguyễn Dương Phú Thọ và ông Nguyễn Văn Thủy không thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật, thì việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Nhà nước. Trong trường hợp này, Tòa án cần lập biên bản giải thích để đương sự có thể rút đơn khởi kiện để yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật và có thể khởi kiện hành vi hành chính đối với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nếu không được giải quyết yêu cầu của mình.

**[6]** Khoản 2 Điều 129 Luật tố tụng hành chính quy định: *"Thủ tục yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Luật này về thủ tục khởi kiện của người khởi kiện"*.

Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C (cho nộp tạm ứng án phí, ra thông báo thụ lý yêu cầu độc lập...), nhưng lại giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định đã viện dẫn trên, nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

**[7]** Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cung cấp Công văn số 3290/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 23/8/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh tại huyện Bến Lức xác định Công văn số 2018/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 22/11/2021 cung cấp thông tin cho Tòa án theo Công văn số 8245/UBND-VP của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T[2] đối với thửa đất số 483, thửa đất số 361 là không chính xác. Vì vậy, cần phải thu thập chứng cứ mới quan trọng để xác định chính xác đối với các thửa đất, mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được.

**[8]** Do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và cần phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được như đã nêu trên, nên chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T[2] và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,

hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

**[9]** Do hủy Bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn T[2] không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**2.** Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T[2];

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết sơ thẩm lại.

**3.** Ông Nguyễn Văn T[2] không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0000254 ngày 16/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
  (Kèm hồ sơ vụ án)
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (22b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**